TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 – ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 03/2025/KDTM-ST
Ngày 20/8/2025
Về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – ĐẮK LĂK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Y Kam Ênuôl

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Văn Mầm.

2. Ông Hồ Tùng Mận.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy Linh - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 – Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 20/8/2025, tại trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 1 – Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số: 74/2025/TLST-KDTM ngày 28/11/2024 về việc *"Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa"*; theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2025/QĐXXST-KDTM ngày 10/7/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2025/QĐST – KDTM ngày 30/7/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty C (Công ty C). *Người đại diện theo pháp luật:* Bà Lê Thị Ả – Chức vụ: Giám đốc.

Địa chỉ: A Đ, phường T, tỉnh Gia Lai.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nhữ Hồng T. Địa chỉ: A Đ, phường T, tỉnh Gia Lai (Cũ thuộc A Đ, phường T, thành phố Q, tỉnh Bình Định) – Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Công ty Cổ phần T2. *Người đại diện theo pháp luật:* Ông Nguyễn Như T1 – Chức vụ: Giám đốc.

Địa chỉ: Số E N, phường T, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Đại diện nguyên đơn trình bày:** Công ty Cổ phần C (viết tắt Công ty C) có ký Hợp đồng nguyên tắc số 09/2021/TMQN-KVBMT, ngày 01/01/2021 với Công ty Cổ phần T3 (viết tắt Công ty T2). Theo đó, Công ty C bán xi măng rời PCB40 nhãn hiệu Long Sơn theo nhu cầu đặt hàng của Công ty T2 cho dự án bến xe tổng hợp liên tỉnh Đắk Lắk; Phương thức thanh toán: bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản; vào cuối tháng, hai bên tiến hành đối chiếu sản lượng, công nợ và Công ty T2 phải thanh toán hết toàn bộ công trong vòng 45 ngày kể từ ngày nhận hàng. Nếu quá thời hạn chậm trả thì Công ty T2 phải trả lãi số nợ quá hạn theo lãi suất cơ bản của Ngân hàng N quy định. Tuy nhiên, đến nay Công ty T2 còn nợ công ty chúng tôi số tiền 817.987.500 đồng (Tám trăm mười bảy triệu, chín trăm tám mươi bảy nghìn, năm trăm đồng) vẫn chưa thanh toán(có Biên bản đối chiếu và xác nhận công nợ). Công ty C đã cử nhân viên đến thu công nợ trực tiếp và gọi điện thoại nhiều lần nhưng Công ty T2 vẫn không thanh toán.

Nay Công ty C khởi kiện yêu cầu Công ty T2 có trách nhiệm thanh toán dứt điểm số tiền còn nợ theo biên bản đối chiếu và xác nhận công nợ là 817.987.500 đồng và không yêu cầu trả lãi chậm thanh toán theo quy định

**** Bị đơn Cổ phần T4 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên tòa án không thể tiến hành ghi ý kiến hoặc lấy lời khai của những người này.***

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 – Đắk Lắk phát biểu quan điểm như sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật: Đây là *"Tranh chấp về hợp đồng mua bán hàng hóa"* thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Đắk Lắk theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Sau khi phân tích tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án, trên cơ sở kết quả hỏi, tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 24; Điều 50; Điều 55; Điều 306 Luật thương mại; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần C.

Buộc Công ty Cổ phần T2 phải thanh toán cho Công ty Cổ phần C toàn bộ số tiền còn nợ 817.987.500 đồng, theo biên bản đối chiếu và xác nhận công nợ, thời điểm xác nhận từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/01/2021.

- Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định pháp luật;

bị đơn Công ty Cổ phần T2 phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả thẩm tra công khai các tài liệu, chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện, hồ sơ vụ án Công ty Cổ phần C yêu cầu Công ty Cổ phần T2 phải thanh toán tổng số tiền còn nợ hợp đồng mua bán xi măng rời PCB40 nhãn hiệu Long Sơn là 817.987.500 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là *"Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa"*, được quy định khoản 1 Điều 30 của Bộ luật tố tụng dân sự,

Về thẩm quyền giải quyết: Công ty Cổ phần T2 có địa chỉ tại thành phố B (thuộc phường T), tỉnh Đắk Lắk nên thuộc thẩm quyền giải quyết thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Đắk Lắk theo quy định điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của bộ luật tố tụng dân sự và

[2]. Về trình tự thủ tục tố tụng: Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty Cổ phần C đều chấp hành tốt quy định của pháp luật và có mặt đầy đủ tại phiên tòa xét xử sơ thẩm.

Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa sơ thẩm: Nguyên đơn Công ty cổ phần C trước khi xét xử đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Đối với bị đơn Công ty Cổ phần T2 mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần 2 tại phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng, do đó căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3]. Về nội dung vụ án: Căn cứ vào nội dung yêu cầu khởi kiện và quá trình làm việc Công ty Cổ phần C (viết tắt Công ty C) có ký Hợp đồng nguyên tắc số 09/2021/TMQN-KVBMT, ngày 01/01/2021 với Công ty Cổ phần T3 (viết tắt Công ty T2). Theo đó, Công ty C bán xi măng rời PCB40 nhãn hiệu Long Sơn theo nhu cầu đặt hàng của Công ty T2 cho dự án bến xe tổng hợp liên tỉnh Đắk Lắk; Phương thức thanh toán: bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản; vào cuối tháng, hai bên tiến hành đối chiếu sản lượng, công nợ và Công ty Cổ phần T2 phải thanh toán hết toàn bộ công trong vòng 45 ngày kể từ ngày nhận hàng. Nếu quá thời hạn chậm trả thì Công ty Cổ phần T2 phải trả lãi số nợ quá hạn theo lãi suất cơ bản của Ngân hàng N quy định. Tuy nhiên, đến nay Công ty Cổ phần T2 còn nợ công ty C số tiền 817.987.500 đồng vẫn chưa thanh toán (Theo biên bản đối chiếu và xác nhận công nợ). Công ty C đã cử nhân viên đến thu công nợ trực tiếp và gọi điện thoại nhiều lần nhưng Công ty Cổ phần T2 vẫn không thanh toán.

Nay Công ty C khởi kiện yêu cầu Công ty Cổ phần T2 có trách nhiệm thanh toán dứt điểm số tiền còn nợ theo biên bản đối chiếu và xác nhận công nợ là 817.987.500 đồng và không yêu cầu trả lãi chậm thanh toán.

3.1. Hội đồng xét xử nhận thấy như sau: Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời khai nhận của của đương sự trong quá trình làm việc xác định giữa Công ty cổ phần C và Công ty cổ phần T2 có ký hợp đồng nguyên tắc số 09/2021/TMQN-KVBMT, ngày 01/01/2021 về việc mua bán xi măng rời PCB40 nhãn hiệu Long Sơn theo nhu cầu đặt hàng của Công ty T2 cho dự án bến xe tổng hợp liên tỉnh Đắk Lắk. Trong quá trình thực hiện hợp đồng Công ty cổ phần C đã vận chuyển đầy đủ mặt hàng xi măng để thực hiện làm dự án công trình theo yêu cầu của Công ty cổ phần T2, tuy nhiên Công ty cổ phần T2 chưa thực hiện việc thanh toán số tiền hàng cho Công ty cổ phần C.

Qua nhận định trên Hội đồng xét xử xét thấy giữa Công ty cổ phần C và Công ty cổ phần T2 có phát sinh hợp đồng cung ứng dịch vụ một bên cung cấp xi măng loại PCB40 nhãn hiệu L và một bên sử dụng để thực hiện dự án công trình, trong quá trình thực hiện hợp đồng thì Công ty cổ phần T2 chưa thực hiện nghĩa vụ thanh toán đầy đủ cho Công ty cổ phần C và các bên đã tiến hành đối chiếu công nợ và xác nhận công nợ theo Biên bản đối chiếu và xác nhận công nợ *(theo thời điểm xác nhận từ ngày 01/5/2021 đến ngày 30/11/2021)*. Do đó, việc Công ty cổ phần C khởi kiện Công ty cổ phần T2 phải thanh toán tiền nợ 817.987.500 đồng là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[5]. Về án phí: Do đơn khởi kiện được chấp nhận nên nguyên đơn - Công ty cổ phần C không phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 18.270.000 đồng theo biên lai số AA/2023/0012753 ngày 14/11/2024 tại chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột (Nay là phòng Thi hành án dân sự Khu vực 1).

Bị đơn – Công ty cổ phần T2 phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, cụ thể: 36.000.000 đồng + [(817.987.500 – 800.000.000đồng) x 3%)] = 36.539.625 đồng.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 24; Điều 50; Điều 55; Điều 306 Luật thương mại năm 2005.

Áp dụng nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần C.

Buộc Công ty Cổ phần T2 có nghĩa vụ phải thanh toán cho Công ty Cổ phần C toàn bộ số tiền còn nợ 817.987.500 đồng, theo biên bản đối chiếu và xác nhận công nợ *(thời điểm xác nhận từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/01/2021).*

Kể từ ngày có đơn thi hành án Công ty Cổ phần T2 phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

2. Về án phí: Công ty Cổ phần T2 phải chịu 36.539.625 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Công ty cổ phần C không phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 18.270.000 đồng theo biên lai số AA/2023/0012753 ngày 14/11/2024 tại chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột (Nay là phòng Thi hành án dân sự Khu vực 1).

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

"*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thị hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi ành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*"

*** <u>Nơi nhận</u>:**
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Khu vực 1 – Đắk Lắk;
- THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Y Kam Ênuôl